

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Ng Liêm;

ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 566/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Ch, sinh ngày 10/9/1986; địa chỉ tổ 03, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Tôn Trường T, sinh ngày 20/11/1977; địa chỉ ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Trần Thị Ch trình bày: chị Ch và anh T chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2009 theo trích lục kết hôn số 470/TLKH-BS ngày 07/3/2022 Ủy ban nhân dân xã H.

Nguyên nhân ly hôn: cách đây khoảng 06 năm, chị Ch có đứng ra trả nợ cho người khác do anh T gây nợ. Bên cạnh đó, quá trình sống chung một nhà với anh T tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang, mặc dù anh T đi làm có thu nhập nhưng không chịu lo cho chị Ch. Từ đó, hằng mỗi lần vợ chồng gặp mặt nhau thì

cả hai đều cãi vã. Do chỗ bản thân không tiền, vợ chồng lại cãi nhau về tiền bạc nên chị Ch có ý định bỏ đi từ lâu. Nhận thấy, vợ chồng chung sống với nhau không có cải thiện được hoàn cảnh tốt hơn mà còn tạo áp lực cho nhau khi sống chung. Vì vậy, chị Ch yêu cầu ly hôn với anh T.

Vợ chồng có 02 đứa con chung, họ và tên Tôn Bảo Ng, sinh ngày 25/9/2011 và Tôn Bảo Nh, sinh ngày 28/6/2007 lần lượt theo các giấy khai sinh số 547, số 521 do Ủy ban nhân dân xã H cấp bản sao ngày 10/3/2022; trong thời gian ly thân, Bảo Ng sống chung với anh T tại nhà cha mẹ của anh T thuộc huyện C, tỉnh An Giang. Còn Bảo Nh sống chung với chị Ch tại nhà của cha mẹ chị Ch thuộc huyện X, tỉnh Đồng Nai; khi ly hôn, chị Ch yêu cầu nuôi con Tôn Bảo Nh, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Đối với con Tôn Bảo Ng thích sống chung với anh T thì đồng ý giao Ng cho Toàn trực tiếp nuôi dưỡng và không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

Chị Ch khai báo vợ chồng có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Ch giữ nguyên yêu cầu ly hôn do vợ chồng không còn hạnh phúc, thường cự cãi, sự việc xảy ra cách nay khoảng 06 năm. Đồng thời, chị Ch giữ nguyên yêu cầu nuôi con Tôn Bảo Nh do con đang sống chung với chị Ch, không yêu cầu cấp dưỡng cho con và đồng ý giao đưa con Tôn Bảo Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị Ch không tự nguyện cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai báo không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Ch đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh T từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị Ng yêu cầu ly hôn nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, thời gian đã lâu, vợ chồng không tới lui thăm nhau để hàn gắn. Chị Ch xác định không còn tình cảm với anh T nếu tiếp tục sống chung với nhau.

Từ khi chị Ch và anh T ly thân, chị Ch đang trực tiếp nuôi con Tôn Bảo Nh, và anh T đang trực tiếp nuôi con Tôn Bảo Ng đều phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, Như có nguyện vọng sống chung với chị Ch, Ng có nguyện vọng sống với anh T nên đề nghị giao cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như, giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Chị Ch và anh

T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu của chị Ch về ly hôn với anh T. Đồng thời, chị Ch được nuôi dưỡng cháu Tôn Bảo Nh, sinh ngày 28/6/2007, anh T được nuôi dưỡng cháu Tôn Bảo Ng, sinh ngày 25/9/2011, không ai yêu cầu cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Ch có đơn khởi kiện đối với anh T về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh T có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh T được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, chị Ch cho rằng anh T đi làm có thu nhập, chỉ lo chơi bời gây nợ, không chịu lo cho chị Ch làm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhau khoảng 06 năm nay. Theo đó, tại biên bản xác minh ngày 09/11/2022 xác định: “...chị Ch và anh T đã ly thân nhau khoảng 01 năm nay, chị Ch dẫn con về Đồng Nai sinh sống cho tới nay”. Như vậy, Tòa án xác định quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đều không còn quan tâm lẫn nhau.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ch, xem như anh T từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện, tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn, động viên vợ chồng hàn gắn nhưng chị Ch vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn nên Tòa án xét thấy khả năng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân của chị Ch và anh T không được bảo đảm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Ch yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ do vợ chồng đã không còn tình nghĩa với nhau, bỏ mặc nhau làm cho đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Ch việc ly hôn đối với anh T.

[5] Khi ly hôn, chị Ch có yêu cầu trực tiếp nuôi con Tôn Bảo Nh, sinh ngày 28/6/2007 đang sống chung với chị Ch. Qua xem xét ý kiến của con theo biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 16/12/2022, thì thấy Bảo Nh đang sống ổn định với chị Ch, mong muốn được sống với mẹ và được đi học gần trường, được chăm sóc tốt trong thời gian vợ chồng ly thân. Mặt khác, anh T cũng không có ý kiến phản đối. Đối với đứa con Tôn Bảo Ng, sinh ngày 25/9/2011, chị Ch tự nguyện giao Bảo Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng do con thường xuyên sống chung với anh T và đi học tại xã H.

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ch, giao con Tôn Bảo Nh, sinh ngày 28/6/2007 cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Đồng thời, giao con Tôn Bảo Ng, sinh ngày 25/9/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không ai yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên chị Ch và anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, cũng như không có nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị Ch phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ch đối với bị đơn anh Tôn Trường T về ly hôn, nuôi con.

1. Chị Trần Thị Ch được ly hôn với anh Tôn Trường T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày đăng ký 06/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho chị Ch và anh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Tôn Bảo Nh, sinh ngày 28/6/2007 cho chị Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Giao con Tôn Bảo Ng, sinh ngày 25/9/2011 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị Ch không trực tiếp nuôi con Tôn Bảo Ng, anh T không trực tiếp nuôi con Tôn Bảo Nh nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012616 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Chị Ch có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân